

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp kinh phí cho các huyện, thành phố
thực hiện một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 511/TTr-STC ngày 05/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp bổ sung dự toán kinh phí cho các huyện, thành phố có tên tại Phụ lục kèm theo, tổng số tiền: 5.411.350.043 đồng (*Năm tỷ, bốn trăm mười một triệu, ba trăm năm mươi nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng*), từ nguồn sự nghiệp kinh tế chưa phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, để thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng và hỗ trợ thu hút lao động trẻ về làm việc tại Hợp tác xã theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh, cụ thể:

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

Trong đó:

1. Cấp cho UBND thành phố Tam Kỳ, số tiền: 43.750.043 đồng, để hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất cho vay trong hạn của Ngân hàng Thương mại đối với lãi suất cho vay của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã đối với dự án vay đầu tư sản xuất của Hợp tác xã nuôi trồng An Sơn.

2. Thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút lao động trẻ về làm việc tại Hợp tác xã, số tiền: 5.367.600.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. UBND các huyện, thành phố có tên tại Phụ lục kèm theo căn cứ các nội dung thẩm định của Sở Tài chính tại Tờ trình số 511/TTr-STC ngày 05/10/2022 để thanh toán kinh phí các nhiệm vụ chi; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi, hướng dẫn thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

3. Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố có tên tại Phụ lục kèm theo thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đúng quy định; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý các phát sinh, vướng mắc (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có tên tại Phụ lục kèm theo và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - CPVP;
 - Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.
- D:\PHAM CÔNG THÁNH 2022\Dropbox\THANG 10\Cấp HTX 511\27-10 cấp bổ sung kinh phí Hợp tác xã.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 2998 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị: đồng

STT	Huyện, thành phố	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó	
			Hỗ trợ lãi suất	Hỗ trợ thu hút lao động trẻ về làm việc tại Hợp tác xã
01	Đại Lộc	740.880.000		740.880.000
02	Phú Ninh	555.660.000		555.660.000
03	Núi Thành	1.111.320.000		1.111.320.000
04	Tam Kỳ	890.470.043	43.750.043	846.720.000
05	Tiên Phước	663.120.000		663.120.000
06	Quế Sơn	185.220.000		185.220.000
07	Đông Giang	165.780.000		165.780.000
08	TP Hội An	211.680.000		211.680.000
09	Thăng Bình	185.220.000		185.220.000
10	Duy Xuyên	370.440.000		370.440.000
11	Nam Trà My	165.780.000		165.780.000
12	Hiệp Đức	165.780.000		165.780.000
Tổng cộng		5.411.350.043	43.750.043	5.367.600.000

Phụ lục II*(Kèm theo Quyết định số 2998 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)**ĐVT: đồng*

TT	Đơn vị	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chuyên môn	Chức vụ đảm nhiệm	Thời gian đảm nhận chức vụ	Kinh phí cấp hỗ trợ
I	Huyện Đại Lộc							740.880.000
1	HTX Chăn nuôi Gia súc Gia cầm Đại Hồng	Mai Thanh Tùng	1995	Cao đẳng	Dịch vụ Thú y	Phó Giám đốc Kỹ thuật	05/5/2022	185.220.000
2	HTX Nông nghiệp Dịch vụ Đại Thanh Phát	Nguyễn Thị Kim Châu	1987	Cử nhân	Kế toán	Phó Giám đốc Kinh doanh	07/4/2022	185.220.000
3	HTX Nông nghiệp Đại Tân	Trần Quang Vũ	1986	Đại học	Thú y	Giám đốc	10/2/2022	185.220.000
4	HTX nông nghiệp Đại Hoà	Hồ Linh Vương	1988	Cao đẳng	Xây dựng công trình thuỷ	Phó Giám đốc kinh doanh	01/3/2022	185.220.000
II	Huyện Phú Ninh							555.660.000
5	HTX Nông nghiệp Phú Mỹ	Nguyễn Thị Tiên	1992	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	07/4/2022	185.220.000
6	HTX Nông nghiệp - Kinh doanh tổng hợp Đại Phát	Phan Văn Hồ Vương	1995	Cao đẳng	Chăn Nuôi	Kỹ thuật chăn nuôi	26/4/2022	185.220.000
7	HTX Nông nghiệp và kinh doanh tổng hợp Nguyên Đại Phát	Nguyễn Thị Kim Ngân	1989	Cử nhân	Kế toán	Kế toán	28/4/2022	185.220.000
III	Huyện Núi Thành							1.111.320.000
8	HTX Nông nghiệp Hoàng Hải Tam Quang	Nguyễn Tấn Tùng	1985	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	01/11/2021	185.220.000
9	HTX Nông nghiệp Đông An	Nguyễn Hoàng Tiến	1996	Cao đẳng	Chăn nuôi	Kỹ thuật chăn nuôi	25/4/2022	185.220.000
10	HTX Nông Ngư Nghiệp Núi Thành	Nguyễn Thị Bảo Linh	1990	Kỹ sư	Bảo vệ thực vật	Phó Giám đốc	18/4/2022	185.220.000

23	HTX Nông nghiệp Tây Bà Nà	Trần Thị Thu Hà		Cao đẳng	Quản trị Kinh doanh	Phó Giám đốc	14/4/2022	165.780.000
VIII Thành phố Hội An								211.680.000
24	HTX Nông nghiệp và Dịch vụ Bền vững Hội An	Lê Thị Ân	1988	Kỹ sư	Bảo vệ thực vật	Cán bộ Kỹ thuật trồng trọt	26/4/2022	211.680.000
IX Huyện Thăng bình								185.220.000
25	HTX NN Bình Nam	Phan Nhật Linh	1992	Cao đẳng nghề	Cơ điện tử	Phó Giám đốc Kỹ thuật	29/4/2022	185.220.000
X Huyện Duy Xuyên								370.440.000
26	HTX Nông nghiệp Hữu cơ Sông Thu	Nguyễn Thị Ly Na	1994	Cử nhân	Kinh tế	Phó Giám đốc	05/5/2022	185.220.000
27	HTX Dịch vụ nông nghiệp - KDTH Duy Phú	Lê Đình Trung	1991	Cao đẳng	Quản trị kinh doanh	Cán bộ Kinh doanh	01/3/2022	185.220.000
XI Huyện Nam Trà My								165.780.000
28	HTX Nông nghiệp Quế Trà My	Nguyễn Hồ Ái Vy	1988	Cử nhân kinh tế	Kế toán	Kế toán	06/5/2022	165.780.000
XII Huyện Hiệp Đức								165.780.000
29	HTX sản xuất chế biến và tiêu thụ Nấm Nhì Tây	Nguyễn Thị Lệ Huyền	1992	Cao Đẳng	Kế Toán	Kế toán	09/5/2022	165.780.000
Tổng Cộng								5.367.600.000

Bảng chữ: Năm tỷ ba trăm sáu bảy triệu sáu trăm ngàn đồng y./.